

Bản án số: 136/2026/DS-PT

Ngày 20-05-2026

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH G

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Chí Công; bà Cao Thị Thanh Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh G.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh G: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2025/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 160/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T1, số căn cước công dân: 05219200.....; địa chỉ: Lô 22, đường D10, tổ 15, khu vực 2, phường Đ, tỉnh G. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông N, Luật sư Văn phòng Luật sư T và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh G; địa chỉ: 10 H, phường N, tỉnh G. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Q2, số căn cước công dân: 05208800.....; địa chỉ: 539 H, xã P, tỉnh G. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung trình bày của đương sự:

Nguyên đơn T1 trình bày: Chị và anh Q có quen biết nhau nên anh Q có hỏi mượn tiền chị để làm ăn và chị có cho anh Q mượn tiền 08 lần thông qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 0071005888242 tại Ngân hàng mang tên Q, thời gian và số tiền chuyển như sau: Ngày 22/10/2022, chuyển 100.000.000 đồng; ngày 01/11/2022 chuyển 340.000.000 đồng; ngày 02/11/2022 chuyển 160.000.000 đồng; ngày 11/01/2023 chuyển 130.000.000 đồng; ngày 18/01/2023 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 07/02/2023 chuyển 50.500.000 đồng; ngày 21/3/2023 chuyển

300.000.000 đồng; ngày 23/3/2023 chuyển 200.000.000 đồng. Tổng số tiền chị T1 đã chuyển vào tài khoản cho anh Q là 1.290.500.000 đồng, có sao kê kèm theo. Số tiền nêu trên là anh Q mượn của chị T1, không có lãi, mục đích mượn để mua bán bất động sản và mua xe, không phải tiền góp vốn làm ăn. Anh Q đã trả nợ cho chị T1 số tiền 933.709.000 đồng, còn nợ lại 356.791.000 đồng. Chị đã nhiều lần yêu cầu anh Q trả nợ tiền nhưng anh Q không trả nên chị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Q phải trả nợ cho chị T1 số tiền 356.791.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn anh Q trình bày: Anh Q và chị T1 có quen biết nhau từ trước. Khoảng cuối năm 2022, chị T vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và muốn đầu tư tiền ảo (cryptocurrency) nên chị T1 đã nhờ anh Q mua giúp để đầu tư số lượng 1.000.000 đồng coin Biztiz (BIZ) với tổng số tiền là 1.190.500.000 đồng. Chị T1 đã 08 lần chuyển tiền vào số tài khoản 0071005888242 của anh Q mở tại Ngân hàng, với tổng số tiền 1.290.500.000 đồng như chị T1 trình bày là đúng. Vì chị T1 chuyển dư nên anh đã chuyển hoàn lại chị T1 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại anh Q đã chuyển cho người đại diện dự án tiền ảo. Ngày 07 tháng 3 năm 2023, chị T1 nhận 1.000.000 BIZ từ dự án tiền ảo gửi về địa chỉ ví cá nhân của chị T1 cung cấp là: 0xfDA9a2CadB0145baB3c58DFb7D922f6f6431897. Tháng 6 và tháng 7 năm 2023, chị T1 đã nhận thanh khoản hai đợt với tổng số tiền 128.709.000 đồng. Sau đó, thị trường tiền ảo biến động xấu, đang đi xuống và dự án khó có thể thành công nên anh Q đã bàn bạc với chị T1 về việc xin rút lại tiền, chị T1 đã đồng ý; anh Q trao đổi, thuyết phục dự án hoàn lại tiền theo mong muốn của chị T1, bên dự án đồng ý hoàn lại số tiền 380.000.000 đồng, chị T1 đồng ý và đã nhận được số tiền trên. Sau đó, anh Q, chị T1 và người đại diện dự án có thỏa thuận với nhau và đi đến thống nhất rằng anh Q sẽ bỏ ra hỗ trợ chị T1 125.000.000 đồng, người đại diện dự án sẽ bỏ ra 200.000.000 đồng để hoàn lại cho chị T1.

Như vậy, chị T1 đã nhận tiền về từ anh Q và bên dự án tiền ảo với số tiền là 933.709.000 đồng trong tổng số tiền đã chuyển cho dự án tiền ảo 1.290.500.000 đồng. Số tiền 356.791.000 đồng còn lại là rủi ro trong đầu tư, các bên đã cố gắng chia sẻ và đã đồng thuận, mọi thỏa thuận trao đổi bằng lời nói. Đến tháng 5 năm 2024 mọi thỏa thuận đã được giải quyết xong.

Bản chất của vụ việc là giao dịch mua tiền ảo, giữa anh Q và chị T1 không có tồn tại hợp đồng vay mượn tiền nên chị T1 cho rằng anh Q mượn tiền chị T1 để mua bán bất động sản và mua xe là sai sự thật. Chứng cứ chứng minh là các tin nhắn chị T1 gửi địa chỉ ví để anh chuyển coin, hình ảnh xác nhận giao dịch đã chuyển 1 triệu BIZ, bao gồm đường link dẫn và những tin nhắn xác nhận đã hoàn tiền theo thỏa thuận.

Anh Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T1 về việc buộc anh Q phải trả nợ cho chị T1 số tiền 356.791.000 đồng.

2. Kết quả giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2025/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A - G đã: Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 70, các Điều: 91, 147, 227, 228, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều: 105,

463, 466, 504; 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1 về yêu cầu anh Trần Q phải trả số tiền 356.791.000 đồng.

Về án phí: Chị T1 phải chịu 17.840.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 8.900.000 đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0000257 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh G, chị T1 còn phải nộp 8.940.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, nguyên đơn chị T1 làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T1.

Bị đơn không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, cung cấp 02 bản chụp màn hình điện thoại thể hiện nội dung anh Q chuyển tiền cho chị T1 vào ngày 15/02/2024 chuyển số tiền 10.400.000 đồng và ngày 25/4/2024 chuyển số tiền 30.000.000 đồng; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án làm rõ người có tên P trong tin nhắn Zalo của chị T1, để xác định rõ việc chị T1 có đầu tư vào thị trường tiền ảo hay không.

Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ mới; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng, đã thực đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị T1 về yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn là chị T1 cung cấp 08 bản chụp màn hình bằng điện thoại, các sao kê tài khoản Ngân hàng mà chị T1 chuyển tiền vào tài khoản số tài khoản 0071005888242 của anh Q mở tại Ngân hàng, tổng số tiền chuyển là 1.290.500.000 đồng. Việc chị T1 chuyển tiền vào tài khoản của anh Q như trên là có thật và được anh Q thừa nhận nên đây tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1 đều khẳng định số tiền chị T1 chuyển khoản cho anh Q như đã nêu trên là tiền anh Q mượn của chị T1 để mua bán bất động sản, mua xe. Anh Q đã trả cho chị T1 được 933.709.000 đồng nên chị T1 khởi kiện yêu cầu anh Q phải trả nợ số tiền còn lại là 356.791.000 đồng. Nhưng anh Q không thừa nhận số tiền trên là anh vay mượn của chị T1, mà anh đã giúp chị T1 đầu tư vào thị trường tiền ảo, mua tiền coin Biztitz, thể hiện chứng cứ là các tin nhắn của chủ Zalo tên “T.....” gửi địa chỉ ví để anh chuyển coin, hình ảnh xác nhận giao dịch đã chuyển 1 triệu BIZ, bao gồm đường link dẫn và những tin nhắn xác nhận đã hoàn tiền theo thoả thuận, các bên đã thoả thuận giải quyết xong nên anh Q không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T1.

Nội dung trình bày giữa chị T1 và anh Q như trên có sự mâu thuẫn về mục đích của việc chị T1 chuyển tiền vào tài khoản của anh Q là cho anh Q mượn hay là chị T1 chuyển để nhờ anh Q đầu tư thị trường tiền ảo như anh Q trình bày.

Tại Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: “Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Tại Điều 504 Bộ luật Dân sự quy định về hợp đồng hợp tác đầu tư như sau: “Hợp đồng hợp tác là sự thoả thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm”.

So sánh các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của hợp đồng vay tài sản với hợp đồng hợp tác thì người vay tài sản có nghĩa vụ trả lại tài sản còn người hợp tác phải cùng chịu trách nhiệm khi đầu tư thua lỗ, không có nghĩa vụ trả lại tài sản.

Chứng cứ chị T1 đưa ra là 08 giao dịch chuyển khoản tiền đều có nội dung là “*Be chuyen*”, mà không thể hiện nội dung nào xác định việc anh Q nhận tiền từ tài khoản chị T1 là nhằm mục đích vay mượn tiền, không có nội dung xác định anh Q phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị T1. Việc chuyển tiền vào tài khoản của anh Q không đương nhiên làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền đối với anh Q. Do đó, 08 giao dịch chuyển khoản chị T1 đưa ra như đã nêu trên không đủ căn cứ chứng minh anh Q đã vay mượn tiền của chị T.

Chứng cứ là 08 bản chụp màn hình điện thoại trang tin nhắn Zalo của chị T1, do anh Q giao nộp có tại hồ sơ vụ án, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đã đủ chứng cứ vững chắc khẳng định: Từ ngày 22/10/2022 đến 23/3/2023, chị T1 đã thực hiện 08 lần chuyển tiền từ tài khoản của chị T1 đến tài khoản thụ hưởng là anh Q với tổng số tiền 1.290.500.000 đồng là nhằm mục đích chị T1 nhờ anh Q đầu tư vào thị trường tiền ảo, mua tiền coin Biztitz. Chị T1 đã nhận tiền về từ anh Q và bên dự án tiền ảo với số tiền là 933.709.000 đồng, trong đó anh Q chuyển cho chị T1 125.000.000 đồng là ý thức tự nguyện xuất phát từ tình cảm của hai bên để chia sẻ rủi ro của chị T1 mà không phải là nghĩa vụ của anh Q. Do đó, không có căn cứ để buộc anh Q trả lại tiền số tiền 356.791.000 đồng theo câu khởi kiện của chị T1.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T1 là có căn cứ đúng pháp luật. Tại phiên Tòa phúc thẩm, người kháng cáo là chị T1 có cung cấp 02 bản chụp màn hình điện thoại thể hiện nội dung anh Q chuyển tiền cho chị T1 vào ngày 15/02/2024 chuyển số tiền 10.400.000 đồng và ngày 25/4/2024 chuyển số tiền 30.000.000 đồng, cả hai giao dịch chuyển khoản này không thể hiện nội dung chuyển khoản là để trả nợ nên đây không là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị T1.

[3] Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án làm rõ người có tên là P thể hiện trong tin nhắn Zalo của chị T1, là không cần thiết. Vì tại phiên tòa phúc thẩm chị T1 và anh Q đều thừa nhận anh P là đại diện bên dự án đầu tư tiền ảo; ngoài ra giữa chị T1 và anh P có mối quan hệ khác không liên quan đến anh Q.

Từ những căn cứ, nhận định tại các luận điểm [2] và [3] ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên người kháng cáo là chị T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị T1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2025/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A - G.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

-Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0000294 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh G.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND khu vực A- G;
- Phòng THADS khu vực A- G;
- VKSND tỉnh G;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thương

